

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày 24 - 03 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Dương Viết Vĩnh
2. Ông Nguyễn Văn Hợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Ông Man Anh Hùng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLST-HS, ngày 26 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN S** (Tên gọi khác: Không), Sinh năm 1965 tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Trần Thị T1, sinh năm 1940; Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ ba; Có vợ là Trần Thị L1, sinh năm 1968, và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020 đến ngày 03/01/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **ĐẶNG ĐỨC B** (Tên gọi khác: Không), Sinh năm 1986 tại Bắc Giang; Nơi thường trú: Tổ dân phố L, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Hồng S1, sinh năm 1959; con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Đinh Thị Kim N1, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, Tiền sự: Không. Đặng Đức B là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L, tỉnh Bắc Giang đình chỉ sinh hoạt Đảng tại quyết định số 28-QĐ/UBKTHU ngày 10/3/2021. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020 đến ngày 03/01/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN G** (Tên gọi khác: Phạm Văn G), Sinh năm 1978 tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1952; con bà Thân Thị B1, sinh năm 1955; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1980 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2002; Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2007 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 năm tù; Năm 2013 phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Chống người thi hành công vụ” bị Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xử phạt 3 năm 6 tháng tù. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: **THÂN ĐỨC P** (Tên gọi khác: Không), Sinh năm 1990 tại Bắc Giang; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thân Văn B2, sinh năm 1958 và bà Vũ Thị H2, sinh năm 1963; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Có vợ là Ngô Thị H3, sinh năm 1996, có 02 con, con lớn sinh năm 2017; con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng về tội: Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020 đến ngày 03/01/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: **VŨ VĂN T** (Tên gọi khác: Không), Sinh năm 1986 tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn K1, sinh năm 1952; Con bà Trương Thị C1, sinh năm 1950; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu; Có vợ là Nguyễn Thị H5, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020 đến ngày 03/01/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

6. Họ và tên: **TRẦN VĂN V** (Tên gọi khác: Không), Sinh năm 1983 tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân T2 (đã chết) và bà Phạm Thị H6, sinh năm 1942; Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ sáu; Có vợ là Ngô Thị D1, sinh năm 1986, có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020 đến ngày 22/01/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

7. Họ và tên: **VŨ VĂN L** (Tên gọi khác: Không), Sinh năm 1984 tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn L2, sinh năm 1958; con bà Dương Thị Y, sinh năm 1959; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Nguyễn Thu H7, sinh năm 1987, có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020 đến ngày 22/01/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

8. Họ và tên: **LẠC VĂN C** (Tên gọi khác: Không), Sinh năm 1995 tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lạc Văn H8, sinh năm 1966; con bà Phạm Thị T3, sinh năm 1966; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020 đến ngày 22/01/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người chứng kiến: Ông Ngô Thượng N2, sinh năm 1958

Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 26/12/2020, tổ công tác Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đang đi làm nhiệm vụ thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân ở tại nhà Nguyễn Văn S, sinh năm 1965, trú tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đang có một nhóm người tụ tập đánh bạc. Tổ công tác đến địa điểm trên thì phát hiện bắt quả tang tại gian bếp nhà S có một số người đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng gồm: Nguyễn Văn S, sinh năm 1965; Vũ Văn T, sinh năm 1986; Nguyễn Văn G, sinh năm 1978; Vũ Văn L, sinh năm 1984; Trần Văn V, sinh năm 1983 đều có hộ khẩu thường trú tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Đặng Đức B, sinh năm 1986, trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Lạc Văn C, sinh năm 1995, trú tại: xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Thân Đức P, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú tại: thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Chỗ ở: thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang). Thời điểm Công an bắt quả tang thì Trần Văn V và Thân Đức P đã chơi hết tiền nên đang ngồi ngoài xem.

Ngày 12/01/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình tiến hành kiểm tra các điện thoại thu giữ của Đặng Đức B; Thân Đức P; Nguyễn Văn G; Trần Văn V; Vũ Văn L; Lạc Văn C; Vũ Văn T. Quá trình kiểm tra tại thư mục tin nhắn, cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, thư mục tin nhắn Zalo, Facebook của các điện thoại nhưng không phát hiện có thông tin gì liên quan đến vụ án.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng bị bắt đều khai nhận: Chiều ngày 26/12/2020, Vũ Văn T, Trần Văn V, Lạc Văn C, Nguyễn Văn G, Đặng Đức B, Thân Đức P đi ăn cỗ cưới ở nhà ông Vũ Văn I, sinh năm 1972 ở xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong lúc ăn cỗ thì mọi người hẹn nhau sau khi ăn xong thì sang nhà ông Nguyễn Văn S ở xóm H, xã T để đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì G, B, Trần Văn V lần lượt vào nhà S, tại đây G xin phép S cho đánh bạc xóc đĩa tại nhà thì được S đồng ý. Sau đó G, B, Trần Văn V đi xuống gian bếp nhà S thì thấy trên nền gạch có 01 chiếu cói đã trải sẵn, bên cạnh có 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, và 04 quân vị để ở đó từ trước. Khi những người này đánh bạc thì B là người xóc cái, đánh được một lúc thì có T, C, P đến cùng ngồi tham gia đánh bạc, lúc này S cũng vào tham gia đánh bạc cùng. Khi đang đánh

bạc thì có thêm Vũ Văn L đến đánh bạc cùng. Lúc này có tất cả 8 người cùng ngồi tham gia đánh bạc, B vẫn là người xóc cái, ngồi bên chẵn có Trần Văn V, Vũ Văn L, T và C, ngồi bên lẻ có G, S, P (P ngồi trên giường sau B, S đứng phía sau G). Khi tất cả những người trên ngồi đánh bạc được khoảng 15 phút thì P và Trần Văn V hết tiền nên không chơi nữa, lúc này Trần Văn V lên vòng cạnh đó nằm xem, P vẫn ngồi ở giường xem đánh bạc. Những người còn lại gồm B, G, S, C, T, Vũ Văn L tiếp tục ngồi chơi đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Phú Bình phát hiện bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.320.000 đồng tạm giữ trên người Nguyễn Văn S 2.550.000 đồng; Vũ Văn L 2.700.000 đồng; Lạc Văn C 200.000 đồng; Vũ Văn T 8.000.000 đồng; Đặng Đức B 6.000.000 đồng. Số tiền tạm giữ trên người S, V, C, T đều khai nhận là tiền mang đi để đánh bạc còn B khai không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Căn cứ vào tài liệu điều tra xác định được tại thời điểm Trần Văn V và Thân Đức P tham gia đánh bạc thì các đối tượng đã sử dụng số tiền để đánh bạc như sau: Nguyễn Văn S sử dụng 2.600.000 đồng; Trần Văn V sử dụng 650.000 đồng; Nguyễn Văn G sử dụng 100.000 đồng; Vũ Văn T sử dụng 9.400.000 đồng; Lạc Văn C sử dụng 500.000 đồng; Thân Đức P sử dụng 600.000 đồng tiền do Vũ Văn T cho; Vũ Văn L sử dụng 1.500.000 đồng đều để đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc tại thời điểm Trần Văn V và Thân Đức P tham gia đánh bạc là 15.350.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định số tiền 8.000.000 đồng tạm giữ trên người Vũ Văn T; 2.700.000 đồng tạm giữ trên người Vũ Văn L; 2.550.000 đồng tạm giữ trên người Nguyễn Văn S; 200.000 đồng tạm giữ trên người Lạc Văn C và số tiền 5.320.000 đồng thu trên chiếu đều dùng vào mục đích đánh bạc. Căn cứ điểm a, b Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trong vụ án được xác định là 8.000.000 đồng + 2.700.000 đồng + 2.550.000 đồng + 200.000 đồng + 5.320.000 đồng = 18.770.000 đồng.

Về cách thức đánh bạc được những người chơi quy định như sau: Người xóc cái cho bốn quân vị một mặt trắng một mặt bôi đen đặt vào đĩa rồi úp bát lên, dùng hai tay giữ bát và đĩa xóc các quân vị ở bên trong, xóc đi xóc lại rồi đặt đĩa xuống chiếu. Lúc này những người tham gia đánh bạc bắt đầu đặt tiền xuống chiếu ở trước mặt để đặt cửa, lượng tiền đặt tùy ý. Quy định bên tay trái của người xóc cái được tính là cửa lẻ, bên tay phải người xóc cái tính là cửa chẵn. Khi mở bát, quân vị trên đĩa thể hiện là lẻ khi bốn quân vị có 01 quân mặt đen 03 quân mặt trắng hoặc 01 quân mặt trắng 03 quân mặt đen. Thể hiện là chẵn khi 04 quân vị có 02 quân mặt trắng, 02 quân mặt đen hoặc 04 quân mặt trắng hoặc 04 quân mặt đen. Sau khi những người tham gia đánh bạc đặt tiền

xong. Người xóc cái mở bát, nếu quân vị thể hiện là lẻ thì những người đặt tiền vào bên lẻ thắng và được nhận thêm số tiền thắng bằng số tiền mà người đó đã đặt cược, những người đặt bên chẵn sẽ bị thua và mất số tiền đặt cược. Ngược lại nếu quân vị thể hiện là chẵn thì những người đặt tiền bên chẵn thắng và được tiền, người đặt tiền bên lẻ thua và bị mất tiền. Quá trình đánh bạc không có ai đứng ra tổ chức, canh gác hay thu tiền hồ lý

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc chiếu cói; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị làm bằng tre một mặt trắng một mặt bôi đen kích thước 01 x 1,5 cm; số tiền 24.770.000 đồng (trong đó có 6.000.000 đồng thu trên người Đặng Đức B không dùng vào việc đánh bạc); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus màu đen, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám của Đặng Đức B; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng nhạt của Vũ Văn T; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu xanh đen của Vũ Văn L; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu hồng của Lạc Văn C; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobell màu đen của Thân Đức P; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của Nguyễn Văn G; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A33 màu trắng của Trần Văn V. Toàn bộ số vật chứng trên đang được bảo quản tại kho vật chứng và tài khoản tiền gửi của Công an huyện Phú Bình chờ xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-PB, ngày 26/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Vũ Văn T, Trần Văn V, Lạc Văn C, Nguyễn Văn G, Đặng Đức B, Thân Đức P, Vũ Văn L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình trình bày lời luận tội và đề nghị với Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Vũ Văn T, Trần Văn V, Lạc Văn C, Nguyễn Văn G, Đặng Đức B, Thân Đức P, Vũ Văn L đều phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G; Thân Đức P, mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn S và Đặng Đức B mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo Vũ Văn T, Lạc Văn C, Vũ Văn L mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Trần Văn V từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, phạt bổ sung mỗi bị cáo Nguyễn Văn S, Vũ Văn T, Trần Văn V, Lạc Văn C, Nguyễn Văn G, Đặng Đức B, Thân Đức P, Vũ Văn L từ 10 đến 15 triệu đồng nộp sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Tịch thu sung quỹ Nhà nước*: 18.770.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) là tiền dùng vào việc đánh bạc;

- *Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm có*: 01 chiếc chiếu cói; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị làm bằng tre một mặt trắng một mặt bôi đen kích thước 01 x 1,5 cm;

- *Tạm giữ tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án đối với các bị cáo sau*: Số tiền: 6.000.000 đồng tạm giữ trên người của Đặng Đức B; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus màu đen, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám của Đặng Đức B; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng nhạt của Vũ Văn T; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu xanh đen của Vũ Văn L; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu hồng của Lạc Văn C; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobell màu đen của Thân Đức P; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của Nguyễn Văn G; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A33 màu trắng của Trần Văn V.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt quả tang, vật chứng của vụ án và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 26/12/2020, tại gian bếp nhà Nguyễn Văn S thuộc xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên Đặng Đức B là người thực hiện việc xóc cái cho Nguyễn Văn S; Nguyễn Văn G; Thân Đức P; Vũ Văn T; Trần Văn V; Vũ Văn L và Lạc Văn C cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Khi tất cả những người trên đang ngồi sát phạt nhau thì bị Công an huyện Phú Bình phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng nhiều vật chứng có liên quan. Quá trình điều tra đã xác định được tổng số tiền các bị can dùng vào mục đích đánh bạc là 18.770.000 đồng, cùng nhiều vật chứng khác có liên quan. Hành vi đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo đều đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Nội dung Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn S; Đặng Đức B; Nguyễn Văn G; Thân Đức P; Vũ Văn T; Trần Văn V; Vũ Văn L và Lạc Văn C đã phạm vào tội “Đánh bạc”, khung hình phạt mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm thuộc trường hợp là tội phạm ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều nhận thức rõ việc đánh bạc trái phép là gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh các bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo về hành vi thực hiện tội phạm của mình. Do vậy, tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn S, Đặng Đức B, Vũ Văn T, Trần Văn V, Vũ Văn L, Lạc Văn C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Văn V có bố đẻ là ông Trần Xuân T2 được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì, hạng ba và Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ đẻ là bà Phạm Thị H6 được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với từng hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra. Trong đó:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn G, Thân Đức P đều là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử bằng một bản án. Do vậy, cần phải có một mức án tương ứng với 12 tháng tù đối với mỗi bị cáo, và cần áp dụng biện pháp cách ly ra khỏi xã hội để cải tạo các bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S, Đặng Đức B, mặc dù là người phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng vai trò của bị cáo S và bị cáo B cao hơn so với các bị cáo khác. Do vậy, Hội đồng xét xử cần có mức án tương ứng với 12 tháng tù. Đối với các bị cáo Vũ Văn T, Trần Văn V, Vũ Văn L, Lạc Văn C, Hội đồng xét xử thấy vai trò của bị cáo trong vụ án là thứ yếu và bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử ra một mức án tương ứng với 09 tháng tù. Đồng thời, Hội đồng xét xử có thể áp

dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo Nguyễn Văn S, Đặng Đức B, Vũ Văn T, Trần Văn V, Vũ Văn L, Lạc Văn C được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục là cũng đủ tác dụng cải tạo các bị cáo, đồng thời nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta và Hội đồng xét xử cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích thu lời bất chính, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với mỗi bị cáo là 10.000.000đ nộp sung công quỹ Nhà nước, theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[5]. Căn cứ vào Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự: Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn S; Đặng Đức B; Thân Đức P; Vũ Văn T; Trần Văn V; Vũ Văn L và Lạc Văn C, buộc các bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 24 tháng 03 năm 2021 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

[6]. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử lý vật chứng như sau:

- *Tịch thu sung quỹ Nhà nước*: 18.770.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) là tiền dùng vào việc đánh bạc;

- *Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm có*: 01 chiếc chiếu cói; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị làm bằng tre một mặt trắng một mặt bôi đen kích thước 01 x 1,5 cm;

- *Tạm giữ tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án đối với các bị cáo sau*: Số tiền: 6.000.000 đồng tạm giữ trên người của Đặng Đức B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám của Đặng Đức B, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J7 màu vàng nhạt của Vũ Văn T, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 màu xanh đen của Vũ Văn L, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A5; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng của Lạc Văn C, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A6; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen của Thân Văn G, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen của Nguyễn Văn G, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A3; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33 màu trắng của Trần Văn V, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A4.

[7]. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp cải tạo, xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của Pháp luật, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Thông báo quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn S; Đặng Đức B; Nguyễn Văn G; Thân Đức P; Vũ Văn T; Trần Văn V; Vũ Văn L và Lạc Văn C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn G và Thân Đức P;

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn S, Đặng Đức B, Vũ Văn T, Trần Văn V, Vũ Văn L, Lạc Văn C. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn V.

- Điểm a khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106, Điều 123, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Nguyễn Văn S; Đặng Đức B; Nguyễn Văn G (tên gọi khác: Phạm Văn G); Thân Đức P; Vũ Văn T; Trần Văn V; Vũ Văn L và Lạc Văn C đều phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt chính: Xử phạt

- Nguyễn Văn S **12** (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 24 tháng 03 năm 2021);

- Nguyễn Văn G (tên gọi khác: Phạm Văn G) **12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

- Thân Đức P **12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 26/12/2020 đến ngày 03/01/2021.

- Đặng Đức B **12** (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 24 tháng 03 năm 2021);

- Vũ Văn T **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 24 tháng 03 năm 2021);

- Vũ Văn L **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 24 tháng 03 năm 2021);

- Trần Văn V **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 24 tháng 03 năm 2021);

- Lạc Văn C **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 24 tháng 03 năm 2021);

Giao các bị cáo Nguyễn Văn S, Vũ Văn T, Trần Văn V, Lạc Văn C, Vũ Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Giao bị cáo Đặng Đức B cho Ủy ban nhân dân thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (là các bị cáo Nguyễn Văn S; Đặng Đức B; Vũ Văn T; Trần Văn V; Vũ Văn L và Lạc Văn C) cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn S; Đặng Đức B; Nguyễn Văn G; Thân Đức P; Vũ Văn T; Trần Văn V; Vũ Văn L và Lạc Văn C mỗi bị cáo là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp sung quỹ Nhà nước.

4. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nguyễn Văn S; Đặng Đức B; Thân Đức P; Vũ Văn T; Trần Văn V; Vũ Văn L và Lạc Văn C buộc các bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 24 tháng 03 năm 2021 cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

5. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- *Tịch thu sung quỹ Nhà nước*: 18.770.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) là tiền dùng vào việc đánh bạc;

- *Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm có*: 01 (một) chiếc chiếu cói; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị làm bằng tre một mặt trắng một mặt bôi đen kích thước 01 x1,5cm

- *Tạm giữ tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án đối với các bị cáo sau*: Số tiền: 6.000.000 đồng tạm giữ trên người của Đặng Đức B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám của Đặng Đức B, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J7 màu vàng nhạt của Vũ Văn T, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 màu xanh đen của Vũ Văn L, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A5; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng của Lạc Văn C, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A6; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen của Thân Đức P, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen của Nguyễn Văn G, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A3; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33 màu trắng của Trần Văn V, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A4.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/03/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình và Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 35 ngày 09/03/2021 giữa đơn vị trả tiền Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên).

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn S; Đặng Đức B; Nguyễn Văn G (tên gọi khác: Phạm Văn G); Thân Đức P; Vũ Văn T; Trần Văn V; Vũ Văn L và Lạc Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

7. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo (Nguyễn Văn S; Đặng Đức B; Nguyễn Văn G (tên gọi khác: Phạm Văn G); Thân Đức P; Vũ Văn T; Trần Văn V; Vũ Văn L và Lạc Văn C). Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Các Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên